

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST  
Ngày: 28/12/2023  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Diễm Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Lộc
2. Bà Trần Thị Hoàng Mai

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2023/TLST- KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* NHTMCP KL; Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần T A – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn A H, sinh năm 1977; địa chỉ: 98-108A Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông P V C, sinh năm 1958.
2. Bà T T N, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: 374 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H.

- *Người C quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông P T N
2. Ông P T M

Cùng địa chỉ: 374 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông P V C và bà P T N vay của NHTMCPKL – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Ngô Gia Tự (gọi tắt là NHTMCPKL) số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011; Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay (LSV) là: 2%/tháng, LSV sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và LSV điều chỉnh được tính như sau: LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của loại tiền mà ông P V C và T T N đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ do NHTMCPKL công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) biên độ 0,84%/tháng. LSV sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại NHTMCPKL (cùng loại hình và phương thức vay); Lãi suất nợ quá hạn bằng (=) 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 0,1%/ngày.

Để đảm bảo vay vốn ông P V C và bà T T N thế chấp tại NHTMCPKL quyền sử dụng đất vài tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ H01657 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giò cấp ngày 26/07/2005 cho hộ ông P V C; thửa đất số 14-272; tờ bản đồ số 3; diện tích 120,4 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giò, TPHCM. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 được công chứng ngày 08/07/2011 tại phòng Công chứng số 2 TPHCM và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/07/2011 tại phòng Tài nguyên môi trường huyện Cần Giò.

Quá trình thanh toán nợ: Ông P V C và bà T T N đã không thanh toán cho NHTMCPKL, nên đã vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011. Tính đến ngày 31/10/2020, số tiền ông C, bà Nguyễn còn nợ là 999.311.433 (chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm mười một ngàn bốn trăm ba mươi ba) đồng (gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.808.333 đồng, lãi quá hạn 729.905.000 đồng, phạt chậm trả lãi 14.598.100 đồng. Trường hợp bản án C hiệu lực pháp luật ông P V C và T T N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn, tiền lãi và tiền phạt chậm trả lãi thì NHTMCPKL C quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 và trích các nguồn thu nhập khác để ưu tiên thanh toán nợ cho NHTMCPKL, cụ thể:

Quyền sử dụng đất vài tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ H01657 do UBND huyện Cần Giò cấp ngày 26/07/2005 với các đặc điểm cụ thể như sau: thửa đất số 14-272; tờ bản đồ số 3; diện tích 120,4 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời gian sử dụng đất: lâu dài; tọa lạc tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giò, TPHCM.

Ngày 13/9/2023, NHTMCPKL C đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi, chỉ yêu cầu ông C, bà Nguyễn thanh toán số nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.742.466 đồng, lãi quá hạn 966.751.644 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông P V C và bà T T N trình bày:* Năm 2011 vợ chồng bà C vay của NHTMCPKL số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011. Sau khi vay tiền ông bà chưa trả được tiền gốc nhưng đã trả được 11 tháng tiền lãi thì không trả nữa. Nay do hoàn cảnh khó khăn ông bà xin được trả tiền gốc, không trả tiền lãi.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P T N và ông P T M đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không C văn bản nêu ý kiến liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của NHTMCPKL có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nội dung nêu rõ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Buộc ông P V C và T T N chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho NHTMCPKL số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/12/2023 là: 1.248.763.288 đồng, cụ thể tiền gốc là 250.000.000 đồng; lãi trong hạn là 4.742.466 đồng; lãi quá hạn là 994.020.822 đồng và tiền lãi phạt phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011 tiếp tục tính từ ngày 29/12/2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án C hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án C hiệu lực pháp luật ông P V C và T T N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn, tiền lãi và tiền phạt chậm trả lãi thì NHTMCPKL C quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng thế chấp số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 và trích các nguồn thu nhập khác để ưu tiên thanh toán nợ cho NHTMCPKL, cụ thể:

Quyền sử dụng đất vài tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H01657 do UBND huyện Cần Giờ cấp ngày 26/07/2005 với các đặc điểm cụ thể như sau: thửa đất số 14-272; tờ bản đồ số 3; diện tích 120,4 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời gian sử dụng đất: lâu dài; tọa lạc tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, TPHCM.

Buộc ông P V C và bà T T N phải chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng C liên quan đến vụ án này.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền phạt chậm trả lãi và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCP KL buộc ông C, bà Nguyễn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn cho NHTMCPKL đồng thời buộc thực hiện các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn NHTMCP KL có đơn khởi kiện đối với ông P V C và bà P T N về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông C, bà Nguyễn C hộ khẩu thường trú tại ấp 374 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Hào có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông P V C, bà P T N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P T N, P T M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[2]. Về nội dung:*

- Xét Hợp đồng tín dụng số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011 ký kết giữa NHTMCP KL và ông Phạm Văn C và bà P T N là hợp đồng vay C thời hạn, lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng. Khi ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P V C và bà P T N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi vay hàng tháng như thỏa thuận tại Điều 3 trong hợp đồng. Do đó, ông P V C và bà P T N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên NHTMCP KL khởi kiện và chuyển khoản vay sang quá hạn từ ngày 09/7/2012 là đúng thỏa thuận và phù hợp với quy định. Đối với lãi suất trong hạn và quá hạn đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lãi suất từng thời điểm tương ứng. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất nên được xác định là

hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P V C và bà P T N C nghĩa vụ trả cho NHTMCP KL số tiền tạm tính đến ngày 28/12/2023 là 1.248.763.288 (Một tỷ hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám) đồng, cụ thể: tiền gốc là 250.000.000 đồng; lãi trong hạn là 4.742.466 đồng; lãi quá hạn là 994.020.822 đồng là C cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi, nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 71, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 được công chứng ngày 08/07/2011 tại phòng Công chứng số 2 TPHCM giữa NHTMCPKL và ông P V C và bà P T N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ H01657 do UBND huyện Cần Giờ cấp ngày 26/07/2005 cho hộ ông P V C; thửa đất số 14-272; tờ bản đồ số 3; diện tích 120,4 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 được công chứng ngày 08/07/2011 tại phòng Công chứng số 2 TPHCM và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/07/2011 tại phòng Tài nguyên môi trường huyện Cần Giờ để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của ông P V C và bà P T N là phù hợp với qui định pháp luật nên C hiệu lực. Nội dung hợp đồng đã thỏa thuận trong trường hợp ông C, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì NHTMCPKL được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng theo điều khoản thỏa thuận trong nội dung hợp đồng nên có căn cứ để chấp nhận.

*[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn ông P V C và bà P T N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

*[4]. Về chi phí tố tụng:* Số tiền 5.000.000 đồng, ông P V C và bà P T N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của NHTMCP KL đối với ông P V C và bà P T N.

Buộc ông P V C và bà P T N C nghĩa vụ thanh toán cho NHTMCP KL với tổng số tiền tính đến ngày 28/12/2023 là 1.248.763.288 (Một tỷ hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám) đồng, cụ thể: tiền gốc là 250.000.000 đồng; lãi trong hạn là 4.742.466 đồng; lãi quá hạn là 994.020.822 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011. Thanh toán ngay khi án C hiệu lực pháp luật.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự C thẩm quyền.

Kể từ ngày 29/12/2023, ông P V C và bà P T N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TD0517/HĐTD ngày 08/07/2011 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc cho NHTMCP KL. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên C thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người vay vốn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đã cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ngay sau khi ông P V C, bà P T N trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên cho NHTMCPKL thì Ngân hàng C nghĩa vụ hoàn trả cho ông C, bà Nguyễn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ H01657 do UBND huyện Cần Giờ cấp ngày 26/07/2005 cho hộ ông P V C.

3. Trường hợp ông P V C và bà P T N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, thì NHTMCP KL C quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số TC0517/HĐTC ngày 08/07/2011 được công chứng ngày 08/07/2011 tại phòng Công chứng số 2- Thành phố Hồ Chí Minh là thửa đất số 14-272; tờ bản đồ số 3; diện tích 120,4 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 836308, số vào sổ H01657 do UBND huyện Cần Giờ cấp ngày 26/07/2005 cho hộ ông P V C để đảm bảo thi hành án.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của NHTMCP KL đối với yêu cầu buộc ông P V C và bà P T N trả tiền phạt chậm trả lãi.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P V C và bà P T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.462.899 đồng, nhưng được miễn nộp theo quy định. NHTMCP KL được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.989.671 đồng theo biên lai số AG/2011/07265 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ.

6. Về chi phí tố tụng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng ông P V C và bà P T N C nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự C thẩm quyền để hoàn trả cho NHTMCP KL.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Diễm Châu**